

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 8 - 2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm

2. Ông Nguyễn Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhật Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 378, tổ 13, ấp TL, xã VA, tỉnh An Giang (trước đây là số 378, tổ 13, ấp Tân Lợi, xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp NL, xã NM, tỉnh An Giang (trước đây là ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T do mai mối nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang vào năm 2011. Từ khi kết hôn cho đến khi ly thân, vợ chồng chỉ sinh sống và đi làm tại tỉnh Bình Dương, không có sinh sống tại huyện Chợ Mới hay huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do chị Cao Thị T hôn ẩu với cha mẹ của anh Nguyễn Văn Đ và yêu cầu ra ở riêng nhưng anh Nguyễn Văn Đ không đồng ý vì anh Nguyễn Văn Đ là con một trong gia đình; anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T không có hành vi bạo lực gia đình và xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự của nhau. Đến tháng 8/2019, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình của anh Nguyễn Văn Đ có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T; gia đình chị Cao Thị T không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn Đ; bản thân anh Nguyễn Văn Đ cũng có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được do chị Cao Thị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu được ly hôn với chị Cao Thị T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Kiều My, sinh ngày 07/5/2011 và Nguyễn Phát Đạt, sinh ngày 13/11/2014; hiện nay đang sống với anh Nguyễn Văn Đ. Quá trình sinh sống với anh Nguyễn Văn Đ, các con chung được đi học và phát triển tốt. Khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung; không yêu cầu chị Cao Thị T cấp dưỡng nuôi con. Nghề nghiệp hiện tại của anh Nguyễn Văn Đ là công nhân kỹ thuật của Công ty Thắng Đạt, thu nhập từ 14.000.000 đồng/tháng đến 15.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, Giấy khai sinh của con chung và ý kiến của con chung.

Chị Cao Thị T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Anh Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Chị Cao Thị T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ. Về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Cao Thị T.

Về con chung, chị Cao Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Tấn Lợi, sinh ngày 13/7/2016; anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung tên Trần Tấn Lợi, chị Cao Thị T có nơi cư trú tại ấp NL, xã NM, tỉnh An Giang (trước đây là ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang). Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 23/4/2025 xác định, chị Cao Thị T hiện nay vẫn còn cư trú và đăng ký thường trú tại ấp NL, xã NM, tỉnh An Giang (trước đây là ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang). Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú và điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú của chị Cao Thị T tại ấp NL, xã NM, tỉnh An Giang (trước đây là ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang) để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với chị Cao Thị T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, chị Cao Thị T (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp NL, xã NM, tỉnh An Giang (trước đây là ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang) nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đối với chị Cao Thị T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Đ đề nghị xét xử vắng mặt; chị Cao Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu được ly hôn với chị Cao Thị T của anh Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Nguyễn Văn Đ cho rằng, anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BPX, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến đầu tháng 11/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do chị Cao Thị T có tính gia trưởng, không tôn trọng lắng nghe ý kiến của vợ, không quan tâm đến vợ, không tôn trọng cha mẹ vợ. Đến khoảng giữa tháng 11/2024, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng sống

ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T, đồng thời, bản thân anh Nguyễn Văn Đ có cho chị Cao Thị T cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Cao Thị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu được ly hôn với chị Cao Thị T.

Chị Cao Thị T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

Xét thấy, anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị Cao Thị T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T theo quy định của pháp luật nhưng chị Cao Thị T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện chị Cao Thị T không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T nên lời trình bày của anh Nguyễn Văn Đ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu ly hôn chị Cao Thị T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Xét ý kiến của anh Nguyễn Văn Đ về việc đồng ý để chị Cao Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Nguyễn Văn Đ xác định anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T có 01 (một) con chung tên Trần Tấn Lợi, sinh ngày 13/7/2016, hiện nay đang sống với chị Cao Thị T. Khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Đ đồng ý để chị Cao Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; anh Nguyễn Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Cao Thị T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của anh Nguyễn Văn Đ, con chung hiện nay đang sống với chị Cao Thị T; quá trình sinh sống với chị Cao Thị T, con chung vẫn phát triển tốt; đồng thời, căn cứ Biên bản ghi nhận ý kiến của con chung ngày 23/4/2025, cháu Trần Tấn

Lợi có nguyện vọng được sống với chị Cao Thị T. Để giúp cháu Trần Tấn Lợi phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Nguyễn Văn Đ đồng ý để chị Cao Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T ly hôn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Cao Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi anh Nguyễn Văn Đ và chị Cao Thị T ly hôn nên anh Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng do chị Cao Thị T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Cao Thị T.

[3] Về con chung:

Anh Nguyễn Văn Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kiều My, sinh ngày 07/5/2011 và Nguyễn Phát Đạt, sinh ngày 13/11/2014. Hiện nay đang sống với chị Cao Thị T.

Chị Cao Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Cao Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0023921 ngày 04/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[8] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 11 - An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- UBND xã BPX, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang